

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 5 năm 2024
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm và bà Nguyễn Thị Sâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu T, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Phạm Kim C, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu Q, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh C vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 19/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị L trình bày: Chị và anh Phạm Kim C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước

khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã nhau. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, rơi vào tình trạng bế tắc trầm trọng, chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Khi vợ chồng mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không khắc phục được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C 02 con chung là Phạm Ngọc C1, sinh ngày 21/3/2011 và Phạm Thùy L1, sinh ngày 10/8/2012. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1 và nhất trí giao cháu C1 cho anh C được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết.

2, *Phía bị đơn anh Phạm Kim C*: Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh C đều vắng mặt.

3, *Nguyên vọng của cháu Phạm Ngọc C1*: Cháu Phạm Ngọc C1 đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là xin được ở với bố.

4, *Nguyên vọng của cháu Phạm Thùy L1*: Cháu Phạm Thùy L1 đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là xin được ở với mẹ.

5, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2024 bà Bùi Thị T (mẹ đẻ anh C) trình bày*: Chị L và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau, anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Nay chị L xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn vì thực tế cuộc sống vợ chồng của anh chị không còn tồn tại. Chị L và anh C có 02 con chung là Phạm Ngọc C1, sinh ngày 21/3/2011 và Phạm Thùy L1, sinh ngày 10/8/2012. Hiện nay cháu L1 đang ở cùng chị L còn cháu C1 đang ở cùng anh C và bà. Khi anh chị ly hôn bà đề nghị Tòa án giao cháu L1 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu C1 cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

6, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã V ngày 02/4/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp*: Chị L và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu

năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Khi anh chị mâu thuẫn bố mẹ hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Khi mâu thuẫn trầm trọng chị L đã về nhà bố mẹ để chị ở, anh chị không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị L xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Phạm Kim C.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Phạm Thùy L1, sinh ngày 10/8/2012 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu L1 thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung ch^ua thành niên là Phạm Ngọc C1, sinh ngày 21/3/2011 cho anh Phạm Kim C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu C1 thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị L, anh C được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Phạm Kim C có hộ khẩu thường trú tại khu Q, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị L có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh Cường T1 án đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, T1 án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị L và anh C là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn năm 2010 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị Lan cho rằng vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã nhau. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, rơi vào tình trạng bế tắc trầm trọng, chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Khi vợ chồng mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không khắc phục được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh C. Phía anh C Tòa án án đã báo gọi nhiều lần, anh C biết rõ việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị L và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Mẹ đẻ anh C là bà Bùi Thị T xác nhận sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không bao ban được nhau, anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Khi anh chị mâu thuẫn gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Nay chị L xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn vì thực tế cuộc sống vợ chồng của anh chị không còn tồn tại. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của anh chị được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Khi anh chị mâu thuẫn bố mẹ hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Khi mâu thuẫn trầm trọng chị L đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, anh chị không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị L và anh C đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh C là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh C có 02 con chung là Phạm Ngọc C1, sinh ngày 21/3/2011 và Phạm Thùy L1, sinh ngày 10/8/2012. Hiện nay cháu C1 đang ở cùng anh C, cháu L1 đang ở cùng chị L. Nguyên vọng của cháu C1 xin được ở với bố. Nguyên vọng của cháu L1 xin được ở với mẹ. Khi ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1 và nhất trí giao cháu C1 cho anh C được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Để ổn định chỗ ở, thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của các con chung cần giao cháu C1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị L được ly hôn anh Phạm Kim C.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Phạm Thùy L1, sinh ngày 10/8/2012 cho chị Đỗ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu L1 thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Phạm Ngọc C1, sinh ngày 21/3/2011 cho anh Phạm Kim C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu C1 thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị L, anh C được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Đỗ Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên

lai số 0004795 ngày 22/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã V;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền